TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **14**/2023/HNGĐ-PT
Ngày 07 – 12 – 2023
V/v yêu cầu không công nhận vợ chồng, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Các Thẩm phán:Ông Hồ Văn Phụng.

Bà Trương Tố Hương.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Kim Mộc Nam - Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Sơn Cươl - Kiểm sát viên

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2023/TLPT-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2023 về việc *"Yêu cầu không công nhận vợ chồng và tranh chấp về nuôi con"*.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 65/2023/HNGĐ-ST, ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 253/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị T (S), sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc H - luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh H, công tác tại Chi nhánh công ty TNHH P tại Cần Thơ. (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Lý C (C1), sinh năm 1983. Địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người phiên dịch tiếng Khmer:* Bà Sơn Hồng V - Cán bộ hư trí. Nơi cư trú: Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị Lý Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo nguyên đơn chị Lý Thị T trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Lý C có tổ chức tiệc cưới và sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2002 nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu khi mới sống chung với nhau thì vợ chồng anh chị sống rất vui vẻ, hạnh phúc nhưng thời gian sau chị T và anh Lý C phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến cải vã và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nhiều, sự mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không ai biết, do không thể hàn gắn tình cảm nên chị T quyết định kết thúc mối quan hệ hôn nhân này. Chị T và anh C đã ly thân từ đầu năm 2009 đến nay; Về con chung: trong thời gian chung sống chị T và anh Lý C có 02 người con chung là cháu Lý Thị Thúy K, sinh ngày 11-02-2006 và cháu Lý Minh C2, sinh ngày: 04-4-2008. Hiện tại, hai cháu đang sống cùng anh C; Về tài sản chung: Không có; Về nợ chung: Không có. Nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Lý C là vợ chồng.

- Về con chung: Chị T yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, giao hai cháu Lý Thị Thúy K, sinh ngày 11-02-2006 và cháu Lý Minh C2, sinh ngày: 04-4-2008 cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Theo bị đơn anh Lý C trình bày**:** Về hôn nhân, mâu thuẫn gia đình, con chung, tài sản chung, nợ chung anh thống nhất với lời trình bày của chị T. Nay chị T yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng thì anh đồng ý. Về con chung: Anh đồng ý tiếp tục nuôi 02 con chung nhưng yêu cầu chị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng vì từ trước tới giờ chị T không phụ giúp anh tiền nuôi con. Hiện nay anh chăn nuôi vịt chạy đồng không đủ nuôi các con, trong khi đó cháu Lý Thị Thúy K chuẩn bị vào đại học.

Tại bản án số 65/2023/HNGĐ-ST ngày 21/8/2023, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 53; khoản 2, 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị T và anh Lý C.

2. Về con chung: Giao hai cháu Lý Thị Thúy K, sinh ngày 11-02-2006 và cháu Lý Minh C2, sinh ngày: 04-4-2008 cho anh Lý C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Lý Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 cháu Lý Thị Thúy K và Lý Minh C2 hàng tháng, mỗi cháu 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng (hai cháu là 2.000.000 đồng/tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án ngày 21-8-2023. Địa điểm cấp dưỡng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Lý Thị T, không ai được quyền ngăn cản chị T thực hiện hợp pháp quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thống nhất không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, nghĩa vụ chậm thi hành án, hướng dẫn thi hành án theo quy định pháp luật.

Ngày 31/8/2023, chị Lý Thị T kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm số 65/2023/HNGĐ-ST ngày 21/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, với các lý do: Chị là người dân tộc Khmer không biết tiếng việt, không hiểu tiếng việt nhưng khi giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú không trưng cầu người phiên dịch tiếng khmer nên chị không hiểu rõ quyền của mình. Chị không hiểu Thẩm phán và Hội đồng xét xử hỏi những nội dung gì dẫn đến ban hành bản án tuyên làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của chị. Chị không đồng ý bản án sơ thẩm tuyên chị phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng, vì hiện nay chị bị bệnh ung thư, không có việc làm và không có thu nhập, không có chỗ ở phải nương nhờ vào nhà người chị. Tòa án cho chị ly hôn nhưng buộc chị cấp dưỡng một tháng 2.000.000 đồng là không hợp lý làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị.

Ngày 28/10/2023 anh Lý C có đơn yêu cầu hàng tháng chị T phải phụ giúp anh 2.000.000 đồng để hai con ăn học. Vì từ khi anh dẫn các con về nuôi thì hai con còn rất nhỏ anh phải làm thuê, làm mướn kiếm tiền để chăm lo cho các con ăn học để các con có tương lai đến nay cũng đã mười mấy năm anh không có đòi hỏi chị T phải đóng góp nhưng hiện nay thì bản thân anh bị bệnh, sức khỏe quá yếu đi làm không được nên không đủ tiền lo cho con đi học. Con gái lớn thì chuẩn bị vào đại học nhưng chị T thì muốn dứt khoác với anh.

Ngày 14/11/2023 nguyên đơn Lý Thị T có đơn xin thay đổi kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và thay đổi nội dung kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết về việc cấp dưỡng, bà xin cấp dưỡng 10.000.000 đồng/năm cho cả hai cháu; bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến của mình. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn sau khi trình bày, phân tích, đánh giá chứng cứ, điều kiện, hoàn cảnh gia đình của nguyên đơn Lý Thị T và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Lý Thị T chấp nhận cho nguyên đơn cấp dưỡng nuôi hai con 10.000.000 đồng/năm đến khi các cháu tròn 18 tuổi.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa phúc thẩm trình bày: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm. Về việc giải quyết vụ án kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử

không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 65/2023/HNGĐ-ST ngày 21/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo nguyên đơn nộp ngày 31/8/2023 là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 , Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo là hợp lệ và đúng theo luật định. Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét kháng cáo theo quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa nguyên đơn chị Lý Thị T thay đổi kháng cáo yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận cho chị cấp dưỡng nuôi hai con 10.000.000 đồng/năm do cấp dưỡng mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng chị không có khả năng do hiện nay bản thân mang bệnh hiểm nghèo, không có việc làm ổn định phải sống nương nhờ. Xét thấy, việc thay đổi kháng cáo của nguyên đơn không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp theo quy định tại khoản 2 Điều 284 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung giải quyết vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Lý Thị T yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông Lý C. Xét thấy, chị Lý Thị T và ông Lý C chung sống với nhau từ năm 2002 có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ vợ chồng của bà Lý Thị T và ông Lý C không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Vì vậy, cấp sơ thẩm giải quyết và không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lý Thị t và ông Lý C là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị Lý Thị T và ông Lý C thống nhất trong thời gian chung sống thì vợ chồng có hai con chung là cháu Lý Thị Thúy K, sinh ngày 11-02-2006 và cháu Lý Minh C2, sinh ngày: 04-4-2008 hiện nay các cháu sống với anh Lý C. Chị T có nguyện vọng giao con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng và anh C cũng thống nhất tiếp tục nuôi hai con và thỏa thuận này cùng phù hợp với nguyện vọng của hai cháu nên cấp sơ thẩm giao hai cháu Lý Thị Thúy K, sinh ngày 11-02-2006 và cháu Lý Minh C2, sinh ngày: 04-4-2008 cho anh Lý C trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lý Thị T có yêu cầu giao con cho anh C nuôi dưỡng, chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh C không đồng ý theo yêu cầu của chị T mà yêu cầu chị T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng. Cấp sơ thẩm đã giải quyết và buộc chị Lý Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai cháu Lý Thị Thúy K, sinh ngày 11/02/2006 và cháu Lý Minh C2, sinh ngày 04/4/2008 mỗi cháu 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là có căn cứ và phù hợp với Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.4] Xét kháng cáo của chị Lý Thị T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa án sơ thẩm về mức cấp dưỡng nuôi con chị chỉ có khả năng cấp dưỡng nuôi hai con mỗi năm 10.000.000 đồng. Xét thấy, theo Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình có quy định "*Cha, mẹ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên, con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình trong trường hợp không sống chung với con hoặc sống chung với con nhưng vi phạm nghĩa vụ nuôi dưỡng con*". Đồng thời, theo khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình có quy định "*1. Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*" và theo quy định tại điểm b, c mục 11 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cũng hướng dẫn *"b. Tiền cấp dưỡng nuôi con bao gồm những chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học hành của con và do các bên thoả thuận. Trong trường hợp các bên không thoả thuận được thì tuỳ vào từng trường hợp cụ thể, vào khả năng của mỗi bên mà quyết định mức cấp dưỡng nuôi con cho hợp lý; c. Về phương thức cấp dưỡng do các bên thoả thuận định kỳ hàng tháng, hàng quý, nửa năm, hàng năm hoặc một lần. Trong trường hợp các bên không thoả thuận được thì Toà án quyết định phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng"*. Tại phiên tòa anh C không đồng ý mức cấp dưỡng cho hai cháu là 10.000.000 đồng/năm mà yêu cầu buộc chị C phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/01 con nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng. Xét về điều kiện nuôi con của hai bên thì hiện nay cả chị T và anh C đều có bệnh trong người, thời gian dài anh C nuôi còn từ năm 2011 đến khi xét xử sơ thẩm anh C không cần sự hỗ trợ của chị T, nhưng hiện nay anh C lại bị bệnh không còn khả năng lao động như trước (viêm tụy mạn, viêm tá tràng D2 theo dõi u; Viêm dạ dày và tá tràng; u tân sinh không rõ hoặc không biết tính chất khoang miệng và cơ quan tiêu hóa); chị T cũng có bệnh nang buồng trứng bên trái, nguy cơ vở cao nên khả năng thu nhập cũng không cao nên điều kiện hai bên đều khó khăn và các đương sự đã thống nhất giao con cho anh C nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con. Như phân tích trên thì nghĩa vụ nuôi con chưa thành niên là nghĩa vụ của cha mẹ và người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/tháng cho môt cháu là mức thấp, không cao so với nhu cầu thiết yếu của một đứa trẻ ở địa phương trong điều kiện sống hiện nay nhưng do hoàn cảnh của nguyên đơn Thơm hiện nay khó khăn, không có việc làm ổn định, bản thân còn mang căn bệnh hiểm nghèo nên cấp sơ thẩm đã cân nhắc xem xét mức cấp dưỡng 1.000.000 đồng/cháu/tháng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên kháng cáo của nguyên đơn chị T cấp dưỡng cho hai cháu 10.000.000 đồng/năm là không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[3] Từ những phân tích trên thấy rằng đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ Hội đồng xét xử không chấp nhận. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm số 65/2023/HNGĐ-ST ngày 21/8/2023, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

[4] Đề nghị của Kiểm sát viên về việc áp dụng khoản 1 Điều 308 của bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận và bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuy nhiên, do nguyên đơn là người dân tộc Khmer sống ở vùng có nền kinh tế đặc biệt khó khăn nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của nghị quyết nêu trên nguyên đơn Lý Thị T được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 2 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn chị Lý Thị T. Giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 65/2023/HNGĐ-ST ngày 21/8/2023, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 53; khoản 2, 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Lý Thị T và anh Lý C.

2. Về con chung: Giao hai cháu Lý Thị Thúy K, sinh ngày 11-02-2006 và cháu Lý Minh C2, sinh ngày: 04-4-2008 cho anh Lý C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Lý Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 cháu Lý Thị Thúy K và Lý Minh C2 hàng tháng, mỗi cháu 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng (hai cháu là 2.000.000 đồng/tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Thời gian bắt đầu cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án ngày 21-8-2023. Địa điểm cấp dưỡng: Tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Lý Thị T, không ai được quyền ngăn cản chị T thực hiện hợp pháp quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thống nhất không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Lý Thị T không phải chịu. Hoàn trả lại cho chị Lý Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0009246 ngày 24-5-2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn Lý Thị T được miễn. Nguyên đơn Lý Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010725 ngày 12/9/2023 của Chi cục Thi hành án huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

9. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Mỹ Tú;
- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Các đương sự;
- Lưu TDS, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Tôn Thị Thanh Thúy